

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
CAO SU
ĐẮK LẮK**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK
LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK,
L=TP. Buôn Ma Thuột,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU ĐẮK LẮK,
OID.0.9.2342.19200300.100
.1.1=MST:6000175829
Reason: I am the author of
this document
Location: 12345678@!
Date: 2023.03.23
07:51:32+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
11.2.1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 51

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ: 1.558.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2022: 1.558.000.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : (+84) (0262) 3865015
- Fax : (+84) (0262) 3865041
- Email : caosu@dng.vnn.vn; caosu@dakruco.com
- Website : <http://www.dakruco.com>

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 9 đơn vị trực thuộc (trong đó có 07 đơn vị hạch toán báo sổ và 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc).

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Km 13+500 Quốc lộ 27 - Xã Ea B'hók - Huyện Cư Kuin
2.	Chi nhánh Nông trường Cuor Đăng	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk
3.	Chi nhánh Nông trường Cư K'pô	Xã Cư K'pô - Huyện Krông Búk - Tỉnh Đắk Lắk
4.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Thôn 8 - Xã Cư Bao - Thị xã Buôn Hồ -Tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Km 20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar
6.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Km 20 tỉnh lộ 8 - Xã Ea KPam - Huyện Cư M'gar
7.	Nhà máy chế biến mù cao su	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk
8.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	30 Nguyễn Chí Thanh, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
9.	Nhà máy chế biến chi thun	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mù cao su và một số nông sản trồng xen cao su;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)**

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua, bán: Phân bón, nhiên liệu, thuốc bảo vệ thực vật;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Hoạt động thể thao khác. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm vui chơi, giải trí, thể thao văn hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage. Kinh doanh karaoke;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê phương tiện vận tải).

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Trọng	Chủ tịch	29/09/2018	
Ông Bùi Quang Ninh	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Độ	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Văn Cúc	Thành viên	29/09/2018	
Ông Đỗ Văn Định	Thành viên	29/09/2018	
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên	06/05/2019	
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên	06/05/2019	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	29/09/2018	
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	29/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Mai Quyên	Thành viên	27/06/2022	
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	06/05/2019	27/06/2022

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	01/10/2018	
Ông Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2018	
Ông Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	01/10/2018	

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	01/10/2018	
Ông Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	01/10/2018	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (riêng) và tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 51.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng).
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (riêng), tình hình hoạt động (riêng) của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng)

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị

NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Số: 16/2023/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 08 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (riêng) dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (riêng).

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán độc lập rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim – Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÁK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán (riêng)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2022)	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2022)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		167.034.617.486	227.554.570.044
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	36.921.855.267	37.907.287.855
111	1. Tiền		36.921.855.267	37.907.287.855
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		11.000.000.000	20.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	11.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.828.362.213	43.233.375.867
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	30.059.185.455	42.309.060.316
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	9.308.266.262	10.044.538.273
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.539.113.922	3.390.709.904
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(15.078.203.426)	(12.510.932.626)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	90.152.199.571	124.879.270.128
141	1. Hàng tồn kho		96.571.297.562	128.074.578.924
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(6.419.097.991)	(3.195.308.796)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.132.200.435	1.534.636.194
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	462.598.729	727.859.054
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		656.639.502	569.994.090
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	12.962.204	236.783.050
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.181.835.502.806	2.135.340.785.790
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		696.967.547	2.041.187.271
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.9	3.527.423.764	4.144.892.606
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(2.830.456.217)	(2.103.705.335)
220	II. Tài sản cố định		640.671.381.128	580.796.984.948
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	600.564.606.949	534.985.638.413
222	- Nguyên giá		1.235.460.130.014	1.121.448.034.038
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(634.895.523.065)	(586.462.395.625)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	40.106.774.179	45.811.346.535
228	- Nguyên giá		42.344.370.837	47.988.943.193
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.237.596.658)	(2.177.596.658)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		621.375.405.491	632.252.203.113
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.12	5.131.542.271	9.915.494.756
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	616.243.863.220	622.336.708.357
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.14	905.860.341.570	906.030.047.618
251	1. Đầu tư vào công ty con		878.482.189.628	878.051.895.676
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.965.447.149	7.965.447.149
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19.514.377.049	20.114.377.049
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(101.672.256)	(101.672.256)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.231.407.070	14.220.362.840
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	13.231.407.070	14.220.362.840
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.348.870.120.292	2.362.895.355.833

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (tại ngày 31/12/2022)	Số đầu năm (tại ngày 01/01/2022)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		725.153.508.048	726.353.773.161
310	I. Nợ ngắn hạn		531.375.011.979	508.356.368.192
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	25.754.622.657	16.855.440.530
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	11.390.702.808	23.464.280.729
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	40.897.475.498	29.299.062.825
314	4. Phải trả người lao động	V.18	70.254.818.669	89.812.197.802
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	5.545.806.247	7.194.026.301
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20	5.877.252.273	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21.1	73.198.514.450	59.440.149.063
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22.1	259.513.666.628	250.854.851.682
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	38.942.152.750	31.436.359.259
330	II. Nợ dài hạn		193.778.496.069	217.997.404.969
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21.2	75.864.328.422	74.965.533.422
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22.2	116.656.175.173	141.773.879.073
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.257.992.474	1.257.992.474
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.623.716.612.244	1.636.541.582.672
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.24	1.623.716.612.244	1.636.541.582.672
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		31.022.965.404	15.024.783.404
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.693.646.840	63.516.799.268
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		32.909.601.395	12.756.905.532
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.784.045.445	50.759.893.736
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.348.870.120.292	2.362.895.355.833

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

BÙI QUANG NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	585.041.068.591	639.668.868.899
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		18.392.593	638.481.800
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		585.022.675.998	639.030.387.099
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	537.109.828.938	602.172.334.342
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.912.847.060	36.858.052.757
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	27.832.089.722	42.232.616.581
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	26.936.490.396	27.177.096.157
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		25.246.693.761	25.771.987.939
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	18.783.113.570	18.918.749.134
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	36.519.634.932	45.596.221.695
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.494.302.116)	(12.601.397.648)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	10.368.239.153	79.140.174.718
32	12. Chi phí khác	VI.8	1.935.527.101	5.047.918.273
40	13. Lợi nhuận khác		8.432.712.052	74.092.256.445
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.938.409.936	61.490.858.797
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.17	154.364.554	10.730.965.061
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.784.045.382	50.759.893.736
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 03 năm 2023.

Tổng Giám Đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

BUI QUANG NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		614.521.786.716	634.230.852.520
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(300.413.641.994)	(269.190.123.797)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(139.506.359.173)	(151.498.359.872)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.19; VI.4	(25.861.922.385)	(25.519.761.808)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(10.303.536.908)	(7.073.692.873)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		47.717.450.388	59.410.786.371
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(102.549.213.854)	(148.550.535.682)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		83.604.562.790	91.809.164.858
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(108.777.233.854)	(242.257.353.270)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.638.514.272	121.992.916.162
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	1.680.259.108
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(430.293.952)	(3.846.783.342)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		600.000.000	500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.5; VI.3	22.068.314.582	33.742.361.525
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(70.900.698.952)	(88.188.599.817)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	488.387.683.705	604.028.441.850
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(504.846.572.659)	(604.710.536.465)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.458.888.954)	(682.094.615)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(3.755.025.117)	2.938.470.426
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		37.907.287.855	34.653.841.285
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.769.592.529	314.976.144
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	36.921.855.267	37.907.287.855

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

BUI QUANG NINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 15/11/2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 764/QĐ-SGDHN ngày 15/11/2019. Mã chứng khoán của Công ty là DRG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp cao su, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: chế biến cao su;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua, bán: Mủ cao su và một số nông sản trồng xen cao su;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, bất động sản và dịch vụ liên quan đến kho bãi (vận chuyển, nâng hạ hàng hóa, bao bì, container);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, khu du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (ăn uống, nước giải khát, rượu, bia, thuốc lá);

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thanh lý các vườn cây cao su hết thời hạn khai thác, tuy nhiên diện tích cao su thanh lý thấp hơn so với năm trước, dẫn đến lợi nhuận khác giảm hơn 88% so với năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 03 công ty con, 02 công ty liên kết, 02 công ty đầu tư dài hạn khác và 09 đơn vị trực thuộc. Thông tin khái quát về các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư dài hạn và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Công ty con (Chi tiết xem thuyết minh V.14)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022			01/01/2022		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk - Việt Nam	Trồng cây công nghiệp - chế biến	66,6%	66,6%	66,6%	66,6%	66,6%	66,6%
2.	Công ty CP Cao su Đăknoruco	Thôn 13, xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	Trồng, chăm sóc cây cao su và chế biến mủ cao su	73,4%	73,4%	73,4%	73,4%	73,4%	73,4%
3.	Công ty TNHH Phát triển Cao su Đắk Lắk – Mondolkiri	Phun Chrey Sen, Sangkat Monorom, Mondolkiri, Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su	100%	100%	100%	100%	100%	100%

Các công ty liên kết (Chi tiết xem thuyết minh V.14)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022			01/01/2022		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Km 18 - Thôn Đoàn Kết - Xã Ea D'Rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ về trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su; Sản xuất nước uống đóng chai; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	28,8%	28,8%	28,8%	28,8%	28,8%	28,8%
2.	Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Km19, Quốc lộ 14, Xã Ea Đ'rong, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Khai thác gỗ; Chế biến các sản phẩm từ gỗ; Chế biến tinh chế đồ gỗ gia dụng	45,1%	45,1%	45,1%	45,1%	45,1%	45,1%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đầu tư dài hạn khác (Chi tiết xem thuyết minh V.14)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022			01/01/2022		
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1.	Công ty CP Cao su Thái Dương	Đường số 7, KCN Tân Tạo, Bình Tân, TPHCM	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su cho ngành cấp thoát nước; thâm cho bò nầm; phụ tùng cao su kỹ thuật bao gồm: sản xuất đồ chơi cho thú cưng và sản phẩm cao su màu	12,5%	12,5%	12,5%	12,5%	12,5%	12,5%
2.	Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Hoạt động tín dụng và các dịch vụ ngân hàng khác	13,14%	13,14%	13,14%	8,42%	8,42%	8,42%

Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ/phụ thuộc

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hạch toán
1.	Chi nhánh Nông trường 19/8	Km 13+500 Quốc lộ 27 - Xã Ea B'hôk - Huyện Cư Kuin	Báo sổ
2.	Chi nhánh Nông trường Cuor Dăng	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Báo sổ
3.	Chi nhánh Nông trường Cư K'pô	Xã Cư K'pô - Huyện Krông Búk - Tỉnh Đắk Lắk	Báo sổ
4.	Chi nhánh Nông trường Cư Bao	Thôn 8 - Xã Cư Bao, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk	Báo sổ
5.	Chi nhánh Nông trường Phú Xuân	Km 20 Quốc lộ 14 - Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar	Báo sổ
6.	Chi nhánh Nông trường Cư M'gar	Km 20 tỉnh lộ 8 - Xã Ea KPam - Huyện Cư M'gar	Báo sổ
7.	Nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Ea D'rong - Huyện Cư M'gar - Tỉnh Đắk Lắk	Báo sổ
8.	Chi nhánh khách sạn Dakruco	30 Nguyễn Chí Thanh - TP.Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk	Phụ thuộc
9.	Nhà máy chế biến chỉ thun	Lô B35 - B36 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Phụ thuộc

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (riêng)

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính (riêng) cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 2.148 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 31/12/2021 là 2.242 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí, các giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (tổng hợp) toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Lợi thế tiền thuê đất trả trước

Lợi thế tiền thuê đất trả trước thể hiện giá trị lợi thế khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng được xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2016 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực 12. Lợi thế tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê còn lại (315 tháng) tính từ ngày Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2044).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2016 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 09
Vườn cây lâu năm	20

Riêng khấu hao TSCĐ đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên công văn số 1937/BIC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính v/v Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27/04/2010 của Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC thì giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái...

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

		31/12/2022 VND		01/01/2022 VND
- Tiền mặt tại quỹ		1.927.721.664		1.273.525.190
+ VND		1.548.727.424		904.859.280
+ USD	16.142,00 #	377.077.120	16.242,00 #	366.683.170
+ AUD	100,00 #	1.575.400	100,00 #	1.628.200
+ CAD	20,00 #	341.720	20,00 #	354.540
- Tiền gửi ngân hàng		34.994.133.603		36.633.762.665
+ VND		21.414.322.882		26.268.891.963
+ USD	581.262,87 #	13.579.810.721	469.579,94 #	10.364.870.451
+ EUR	- #	-	0,01 #	251
Cộng		36.921.855.267		37.907.287.855

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		31/12/2022		01/01/2021	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm					
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	
Cộng		11.000.000.000	11.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	3.775.704.700	3.757.574.500
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	26.283.480.755	38.551.485.816
- Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	9.989.067.800	9.989.067.800
- Công ty Cổ phần FURNIWEB (Việt Nam)	3.658.075.065	8.581.851.341
- Công ty TNHH TMDV Sản Xuất Quán Quân	573.439.698	4.467.377.046
- WEBER-SCHAER	-	4.087.625.472
- Các đối tượng khác	12.062.898.192	11.425.564.157
Cộng	30.059.185.455	42.309.060.316

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	32.990.511
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	9.308.266.262	10.011.547.762
Công ty TNHH Cao su T2T	2.307.275.000	-
CEE BEE CHEMICALS SDN BHD	-	2.221.432.015
Các đối tượng khác	7.000.991.262	7.790.115.747
Cộng	9.308.266.262	10.044.538.273

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	3.539.113.922	1.026.820.349	3.390.709.904	1.026.820.349
Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349	1.026.820.349
Phải thu nhân viên về BHXH	1.106.177.215	-	970.999.011	-
Tạm ứng	901.827.007	-	815.250.446	-
Lãi dự thu	166.252.056	-	311.452.055	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	18.000.000	-	18.000.000	-
Phải thu khác	320.037.295	-	248.188.043	-
Cộng	3.539.113.922	1.026.820.349	3.390.709.904	1.026.820.349

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Trúc Phố	4.443.540.077	4.443.540.077
- Công ty Cổ phần Vĩnh Sơn	332.983.444	332.983.444
- Công ty TNHH MTV XD TM Đạt Thành Phát	110.585.973	110.585.973
- Công ty TNHH SX & XD Phú Quý	44.210.873	44.210.873
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Vũ	1.176.293.056	1.176.293.056
- Công ty CP Nông Hữu Thuận Sinh	1.026.820.349	1.026.820.349
- Công ty TNHH Quảng cáo Tư Duy RITA	10.018.236	10.018.236
- Công ty CP Chế biến gỗ cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
- Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhất Thống	3.855.619.420	1.288.348.620
- Các đối tượng khác	320.557.498	320.557.498
Cộng	15.078.203.426	12.510.932.626

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	12.510.932.626	10.934.514.145
Trích lập dự phòng bổ sung	2.567.270.800	1.576.418.481
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	15.078.203.426	12.510.932.626

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.866.051.929	-	35.160.287.507	-
Công cụ, dụng cụ	5.421.745.445	-	4.989.409.400	-
Chi phí SX, KD dở dang	6.564.100.889	-	6.151.060.904	-
Thành phẩm	56.498.078.377	6.419.097.991	77.272.244.426	3.195.308.796
Hàng hóa	221.320.922	-	177.017.687	-
Hàng gửi bán	-	-	4.324.559.000	-
Cộng	96.571.297.562	6.419.097.991	128.074.578.924	3.195.308.796

- Nguyên liệu, vật liệu cuối kỳ bao gồm phụ gia dùng chế biến mủ cao su, các vật liệu dùng để đóng gói thành phẩm và một số vật liệu là các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các nguyên vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, kiềng, chén hứng mủ, dây cột kiềng, dây hứng mủ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị mủ nguyên liệu ở nhà máy chế biến tại 31/12/2022 chưa sản xuất ra thành phẩm.
- Thành phẩm là các sản phẩm mủ cao su gồm mủ cốt các loại SVR 5, SVR 10, SVR 20, SVR 3L, SVR CV60, Mủ nước latex HA, chuối.
- Hàng hóa là bia, nước ngọt, hàng lưu niệm ở Khách sạn Dakruco.
- Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2022.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**8.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	50.568.028	684.023.450
Chi phí bảo hiểm	245.878.900	43.835.604
Chi phí sửa chữa, thay thế	58.149.515	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ	108.002.286	-
Cộng	462.598.729	727.859.054

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	727.859.054	63.862.816
Tăng trong năm	1.107.286.117	1.849.281.238
Phân bổ trong năm	(1.372.546.442)	(1.185.285.000)
Số dư cuối năm	462.598.729	727.859.054

8.2. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, thay thế	5.176.068.897	4.931.486.486
Chênh lệch giá trị quyền thuê đất theo định giá GTDN	5.361.224.519	5.602.401.658
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.339.910.952	2.372.302.206
Giá trị thương hiệu	-	1.204.175.571
Chi phí bảo hiểm tài sản	158.926.455	109.996.919
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	195.276.246	-
Cộng	13.231.407.070	14.220.362.840

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	14.220.362.840	19.871.200.398
Tăng trong năm	6.578.026.252	8.926.351.799
Phân bổ trong năm	(7.566.982.022)	(14.577.189.357)
Số dư cuối năm	13.231.407.070	14.220.362.840

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	-	-
Đầu tư cao su liên kết:	3.527.423.764	4.144.892.606
- Nông trường cao su Cư Mgar	3.132.695.457	3.658.139.762
- Nông trường cao su Phú Xuân	363.218.088	424.340.713
- Nông trường cao su Cuôr Đăng	31.510.219	62.412.131
Cộng	3.527.423.764	4.144.892.606

Đây là các khoản phải thu đầu tư cao su liên kết với các hộ dân, theo đó công ty đầu tư chi phí ban đầu trong thời gian kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su theo từng hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng bắt đầu từ khi ký kết hợp đồng cho tới khi thu hồi hết giá trị đầu tư hoặc đến khi thanh lý vườn cây cao su.

Trong một số trường hợp, do năng suất cây cao su không đạt yêu cầu khai thác, các hộ dân nhận đầu tư sẽ không thể hoàn trả lại chi phí đã được đầu tư, khi đó, giá trị đầu tư sẽ được trích lập dự phòng, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.103.705.335	2.089.228.982
Trích lập dự phòng bổ sung	726.750.882	14.476.353
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối năm	2.830.456.217	2.103.705.335

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	300.507.066.534	279.610.310.235	67.480.947.591	2.984.291.080	470.177.542.962	687.875.636	1.121.448.034.038
Mua sắm, xây dựng mới	3.293.135.673	2.168.169.374	1.146.653.636	158.909.091	108.103.211.217	-	114.870.078.991
T/lý, nhượng bán	-	(484.228.520)	-	(61.632.750)	(311.999.744)	-	(857.861.014)
Phân loại lại	(122.001)	(49.603.636)	(15.204.546)	64.808.182	-	-	(122.001)
Số cuối năm	303.800.080.206	281.244.647.453	68.612.396.681	3.146.375.603	577.968.754.435	687.875.636	1.235.460.130.014
Khấu hao							
Số đầu năm	172.479.409.619	229.453.751.793	38.775.285.248	2.608.037.208	143.007.998.045	137.913.711	586.462.395.625
Khấu hao trong năm	11.304.521.080	11.843.404.590	3.919.609.840	178.807.731	21.714.505.116	57.597.360	49.018.445.717
T/lý, nhượng bán	-	(462.386.434)	-	(61.632.750)	(61.299.093)	-	(585.318.277)
Phân loại lại	205.872.660	1	(178.658.041)	63.044.545	(90.259.165)	-	-
Số cuối năm	183.989.803.359	240.834.769.950	42.516.237.047	2.788.256.734	164.570.944.903	195.511.071	634.895.523.065
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	131.320.792.588	52.324.727.816	29.852.315.979	535.162.963	435.272.756.134	549.961.925	534.985.638.413
Số cuối năm	119.810.276.847	40.409.877.503	26.096.159.634	358.118.869	413.397.809.532	492.364.565	600.564.606.949

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 204.396.134.818 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2022 là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2022 là 533.208.086.379 đồng (xem thuyết minh số V.22).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Công nghệ kiểm phẩm	Hiện giá giá trị thanh lý vườn cây cao su (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.067.596.658	300.000.000	45.621.346.535	47.988.943.193
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(5.644.694.357)	(5.644.694.357)
Phân loại lại	-	-	122.001	122.001
Số cuối năm	2.067.596.658	300.000.000	39.976.774.179	42.344.370.837
Khấu hao				
Số đầu năm	2.067.596.658	110.000.000	-	2.177.596.658
Khấu hao trong năm	-	60.000.000	-	60.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.067.596.658	170.000.000	-	2.237.596.658
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	190.000.000	45.621.346.535	45.811.346.535
Số cuối năm	-	130.000.000	39.976.774.179	40.106.774.179

(*) Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã đánh giá giá trị vườn cây cao su đang kinh doanh theo quy định tại Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC của liên bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài chính. Giá trị thực tế của vườn cây cao su đang kinh doanh được xác định dựa vào Giá trị còn lại đã điều chỉnh của vườn cây cao su, Hệ số phân loại vườn cây và Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 Thông tư 17/2015/TTLT/BNNPTNT-BTC của liên bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài chính, giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hiện tại của giá trị thanh lý vườn cây cao su đang kinh doanh không tiến hành trích khấu hao trong thời gian sử dụng vườn cây cao su kinh doanh và sẽ được trích khấu hao một lần tại thời điểm thanh lý vườn cây cao su.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.067.596.658 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2022 là 39.976.774.179 đồng (xem thuyết minh số V.22).

12. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối, vườn dứa	5.131.542.271	5.131.542.271	9.915.494.756	9.915.494.756
Cộng	5.131.542.271	5.131.542.271	9.915.494.756	9.915.494.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		31/12/2022	01/01/2022
	Diện tích (ha)	VND	VND
Đầu tư trồng cao su	4.305,69	591.945.463.668	596.933.620.476
<i>Nông trường Phú Xuân</i>	<i>1.606,73</i>	<i>237.428.099.754</i>	<i>270.138.985.395</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2015	25,27	5.551.706.590	67.571.653.324
Vườn cây cao su trồng năm 2016	537,47	104.045.523.068	94.201.225.379
Vườn cây cao su trồng năm 2017	387,95	56.164.426.087	48.954.000.641
Vườn cây cao su trồng năm 2018	313,30	40.363.701.479	34.857.195.976
Vườn cây cao su trồng năm 2019	195,10	20.434.607.075	16.885.677.074
Vườn cây cao su trồng năm 2020	70,32	6.219.393.338	4.840.229.275
Vườn cây cao su trồng năm 2021	77,32	4.648.742.117	2.829.003.726
<i>Nông trường Cư K'pô</i>	<i>1.651,11</i>	<i>252.575.970.653</i>	<i>247.293.674.964</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2015	175,13	37.761.392.818	58.739.945.706
Vườn cây cao su trồng năm 2016	458,43	86.767.883.376	79.204.321.344
Vườn cây cao su trồng năm 2017	321,55	51.518.132.208	45.563.469.753
Vườn cây cao su trồng năm 2018	287,87	35.688.789.135	30.775.494.490
Vườn cây cao su trồng năm 2019	261,49	29.470.093.529	24.323.499.538
Vườn cây cao su trồng năm 2020	146,64	11.369.679.587	8.686.944.133
<i>Nông trường 19/8</i>	<i>101,73</i>	<i>13.611.828.689</i>	<i>21.575.352.472</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2015	-	-	9.442.310.933
Vườn cây cao su trồng năm 2016	15,91	4.799.163.889	3.320.376.739
Vườn cây cao su trồng năm 2017	85,82	8.812.664.800	8.812.664.800
<i>Nông trường Cuôr Đăng</i>	<i>672,47</i>	<i>61.744.198.195</i>	<i>41.628.171.174</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2017	80,73	12.732.665.135	10.760.965.713
Vườn cây cao su trồng năm 2020	252,86	23.620.988.803	16.964.716.814
Vườn cây cao su trồng năm 2021	338,88	25.390.544.257	13.902.488.647
<i>Nông trường Cư M'gar</i>	<i>273,65</i>	<i>26.585.366.377</i>	<i>16.297.436.471</i>
Vườn cây cao su trồng năm 2018	38,10	7.014.484.553	6.103.320.107
Vườn cây cao su trồng năm 2019	21,44	2.473.025.669	1.948.526.956
Vườn cây cao su trồng năm 2020	92,54	10.677.892.410	8.245.589.408
Vườn cây cao su trồng năm 2022	121,57	6.356.856.545	-
Trồng cây đại rừng năm 2022	-	63.107.200	-
Dự án nông nghiệp công nghệ cao	74,70	18.103.563.492	25.155.099.700
Vườn mít trồng mới năm 2019 (*)	-	-	10.505.892.760
Cau 8.250 cây (trồng xen)	-	416.497.543	331.801.127
Vườn sầu riêng trồng mới năm 2019 (*)	74,70	17.420.499.928	14.089.919.891
28.000 cây keo chắn gió (trồng xen)	-	266.566.021	227.485.922
Đầu tư xây dựng cơ bản khác		6.194.836.060	247.988.181
Văn phòng Công ty		6.194.836.060	247.988.181
Cộng		616.243.863.220	622.336.708.357

Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2022 là: 610.049.027.160 VNĐ (xem thuyết minh số V.22).

(*) Vườn mít và vườn sầu riêng trồng mới năm 2019 được trồng xen với nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	878.482.189.628	-	878.051.895.676	-
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (i)	490.094.194.344	-	490.094.194.344	-
- Công ty CP Cao su Daknoruco (ii)	19.775.566.455	-	19.775.566.455	-
- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk - Mondulkiri (iii)	368.612.428.829	-	368.182.134.877	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	7.965.447.149	(101.672.256)	7.965.447.149	(101.672.256)
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk (iv)	101.672.256	(101.672.256)	101.672.256	(101.672.256)
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su (ii)	7.863.774.893	-	7.863.774.893	-
Đầu tư vào đơn vị khác	19.514.377.049	-	20.114.377.049	-
- Công ty CP Cao su Thái Dương (v)	11.575.299.752	-	11.575.299.752	-
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk (v)	7.939.077.297	-	8.539.077.297	-
Cộng	905.962.013.826	(101.672.256)	906.131.719.874	(101.672.256)

(*) Căn cứ khoản 1, điều 45, Thông từ 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định: “b) Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.”, Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác nếu vốn chủ sở hữu của Công ty tại doanh nghiệp nhận đầu tư thấp hơn giá gốc khoản đầu tư. Giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty tại doanh nghiệp nhận đầu tư được xác định dựa trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhận đầu tư đó.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đã niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp chưa niêm yết được xác định dựa trên giá trị ghi sổ của vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các doanh nghiệp nhận đầu tư.

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (đã niêm yết trên sàn UpCom) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này tại ngày 31/12/2022. Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty con này tại 31/12/2022, vốn chủ sở hữu của Công ty tại Công ty con này vẫn được bảo toàn, Công ty vẫn nhận được cổ tức từ Công ty con này nên không trích lập dự phòng tổn thất.

(ii) Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022, kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty CP Cao su Daknoruco và Công ty CP Kỹ thuật Cao su bị lỗ, tuy nhiên vốn chủ sở hữu tại các Công ty này vẫn được bảo toàn nên không cần trích lập dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
BAO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022, kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk – Mondulkiri có lãi, vốn chủ sở hữu của Công ty tại Công ty con này vẫn được bảo toàn nên không trích lập dự phòng tồn thất.
- (iv) Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk đang chờ giải thể, vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính đã bị âm. Công ty đã trích lập dự phòng tồn thất 100% đối với khoản đầu tư này.
- (v) Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022, kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty CP Cao su Thái Dương và Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk có lãi, vốn chủ sở hữu tại các Công ty/Quỹ này vẫn được bảo toàn, Công ty vẫn nhận được cổ tức/lợi tức từ các bên nhận đầu tư trong năm nên không cần trích lập dự phòng tồn thất đối với các khoản đầu tư này.

Thông tin bổ sung

	Tình hình hoạt động	31/12/2022		01/01/2022	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn
Đầu tư vào Công ty con					
- Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk	Đang hoạt động	48.750.000	66,60%	48.750.000	66,60%
- Công ty CP Cao su Daknoruco	Đang hoạt động	2.568.100	73,37%	2.568.100	73,37%
- Công ty TNHH cao su Đắk Lắk - Mondulkiri	Đang hoạt động	-	100,00%	-	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên kết					
- Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Đang chờ giải thể	301.998	45,13%	301.998	45,13%
- Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Đang hoạt động	540.000	36,00%	540.000	28,79%
Đầu tư vào đơn vị khác					
- Công ty CP Cao su Thái Dương	Đang hoạt động	750.000	12,50%	750.000	12,50%
- Quỹ tín dụng Cao su Đắk Lắk	Đang hoạt động	-	13,14%	-	8,42%

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, các công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1.

Số cổ phiếu công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được cầm cố thế chấp vay tại ngày 31/12/2022 là 32.505.100 cổ phiếu (Xem thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.741.752.377	2.057.000
<i>(Xem thuyết minh số VIII.1)</i>		
Phải trả người bán là các đối tượng khác	24.012.870.280	16.853.383.530
Nguyễn Văn Hoàn	4.226.635.655	-
Cơ sở sản xuất Xuân Hồng	2.642.760.000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV 999	968.542.287	2.616.600.287
Các đối tượng khác	16.174.932.338	14.236.783.243
Cộng	25.754.622.657	16.855.440.530

Tại ngày 31/12/2022, không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	1.605.544.080
<i>(Xem thuyết minh số VIII.1)</i>		
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	11.390.702.808	21.858.736.649
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nguyễn Hoàng	10.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	1.390.702.808	11.858.736.649
Cộng	11.390.702.808	23.464.280.729

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	574.179.381	5.549.802.307	3.033.669.377	-	3.090.312.311
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	223.820.808	-	1.604.798.886	1.380.978.078	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.149.172.292	154.364.554	10.303.536.908	63	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	76.616.045	1.311.581.627	1.282.845.909	-	105.351.763
Thuế tài nguyên	-	2.855.021	77.629.286	77.122.456	-	3.361.851
Thuế nhà đất	12.962.141	-	333.230.132	333.230.132	12.962.141	-
Tiền thuê đất	-	18.486.587.554	33.578.368.028	15.000.000.000	-	37.064.955.582
Các loại thuế khác	101	9.652.492	41.420.313	51.072.705	-	-
Phí và lệ phí	-	40	695.651.069	62.157.119	-	633.493.990
Cộng	236.783.050	29.299.062.825	43.346.846.202	31.524.612.684	12.962.204	40.897.475.498

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.938.409.936	61.490.858.797
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(13.669.477.461)	(6.720.883.030)
Điều chỉnh tăng	7.359.054.655	24.743.036.051
- Chi phí không hợp lệ	1.819.870.074	16.797.488.660
- Chi phí lãi vay chuyển khấu trừ kỳ sau	5.369.597.581	6.568.826.917
- Chi thù lao hội đồng quản trị không chuyên trách	169.587.000	118.728.000
- Trích lập quỹ khoa học công nghệ	-	1.257.992.474
Điều chỉnh giảm	(21.028.532.116)	(31.463.919.081)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(21.028.532.116)	(31.463.919.081)
Tổng thu nhập chịu thuế	(11.731.067.526)	54.769.975.767
Tổng thu nhập tính thuế	(11.731.067.526)	54.769.975.767
Trích lập quỹ khoa học công nghệ	-	1.257.992.474
Thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	10.702.396.659
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	154.364.554	28.568.402
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	154.364.554	10.730.965.061

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	52.238.265.192	76.312.197.802
Quỹ dự phòng tiền lương	18.016.553.477	13.500.000.000
Số dư cuối năm	70.254.818.669	89.812.197.802

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc	4.749.157.763	6.281.105.560
- Trích trước chi phí lãi vay	2.253.120.959	2.868.349.583
- Chi phí kiểm toán	307.272.727	318.181.818
- Chi phí quản lý trồng xen	1.322.424.306	660.224.024
- Chi phí xử lý hàng vượt dư lượng thuốc BVTV	-	1.080.633.000
- Chi phí phải trả khác	866.339.771	1.353.717.135
Cụm khách sạn Dakruco	76.027.284	159.947.110
- Chi phí phải trả khác	76.027.284	159.947.110
Nhà máy chế biến Chi thun	720.621.200	752.973.631
- Chi phí xử lý chất thải nguy hại, nước thải sau sản xuất	337.500.000	300.000.000
- Chi phí phải trả khác	383.121.200	452.973.631
Cộng	5.545.806.247	7.194.026.301

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	5.877.252.273	-
Cộng	5.877.252.273	-

21. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn**21.1. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác các bên liên quan	2.494.577.826	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải trả khác các đối tượng khác	70.703.936.624	59.440.149.063
- Phải trả về cổ phần hóa (*)	49.446.403.457	49.446.403.457
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk	11.309.905.414	-
- Tiền thôi việc	1.911.894.607	3.411.319.592
- Kinh phí công đoàn	3.029.195.610	2.572.273.736
- Phải trả khác	5.006.537.536	4.010.152.278
Cộng	73.198.514.450	59.440.149.063

(*) Công ty đã thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần đã được phê duyệt theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Ngày 09/02/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có quyết định số 395/QĐ-UB về việc phê duyệt quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, chi phí cổ phần hóa, chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư, quyết toán phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Theo đó, số tiền Công ty còn phải trả về cổ phần hóa là 49.446.403.457 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa tại ngày 31/12/2022 như sau:

Chi tiết số dư phải trả về cổ phần hóa	Số tiền
Vốn Nhà nước tại 30/09/2016 (thời điểm định giá):	1.558.722.333.139
Giá trị Vốn Nhà nước phát sinh sau định giá đến thời điểm cổ phần (Từ 01/10/2016 đến 30/09/2018)	112.329.904.669
- Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2018	291.593.211.213
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn từ 01/10/2016 đến 30/09/2018	(63.880.553.359)
- Nộp các khoản thuế cho Công ty CP TMDL Bàn Đôn	(5.590.133.649)
- Chênh lệch tỷ giá	(64.559.157)
- Giá trị chênh lệch đánh giá tăng tương ứng với TSCĐ đã thanh lý từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	(109.591.760.379)
- Giá trị chênh lệch đánh giá tăng tương ứng với khoản đầu tư vào Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã thanh lý từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	(136.300.000)
Vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	1.671.052.237.808
Vốn điều lệ tại Công ty cổ phần	(1.558.000.000.000)
Thu tiền bán cổ phần cho người lao động chưa nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.788.527.250
Thu tiền bán cổ phần từ Sở giao dịch chứng khoán	20.000.000
Điều chỉnh khoản chênh lệch giá trị phải trả về CPH do KTNN tính nhầm	(53.610.717.872)
Thu nhập từ tiền bồi thường thu hồi thu hồi 43 ha khu dân cư Km7 (CV1252/UBND-KT ngày 15/02/2019)	(3.207.359.400)
Phần chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND Huyện Cư Mgar so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Di dời dân cư Buôn Gram B, Xã Eadrong, Huyện Cư Mgar (QĐ số 741/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 28/03/2018 do UBND Huyện Cư Mgar phê duyệt)	(457.890.000)
Phần chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND tỉnh so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Bến xe liên tỉnh Đắk Lắk (QĐ phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 22/11/2017)	(481.052.043)
Phần chênh lệch giảm giữa giá trị đền bù cây cao su theo phương án bồi thường của UBND tỉnh so với giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt - Dự án: Trung tâm trưng bày – Kinh doanh – Bảo hành xe Thaco (QĐ phê duyệt phương án bồi thường ban hành ngày 22/11/2017)	(232.626.069)
Điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế trước thời điểm chuyển sang Công ty CP theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản ngày 10/09/2020	(1.458.403.117)
Thuế TNDN năm 2017 và 9 tháng năm 2018	(3.585.792.522)
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của 9 tháng năm 2018	(1.023.190.839)
Chi phí không đủ cơ sở quyết toán vào chi phí cổ phần hóa	13.230.000
Các khoản chi phí cổ phần hóa	(3.370.559.739)
- Chi phí tổ chức bán cổ phần	(231.626.000)
- Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN	(570.000.000)
- Chi phí thuê tư vấn xây dựng phương án CPH	(150.000.000)
- Thù lao ban chỉ đạo CPH và tổ giúp việc CPH	(193.000.000)
- Chi phí khác	(140.114.915)
- Chi chế độ lao động dôi dư	(2.042.930.424)
Phải trả về cổ phần hóa tại 31/12/2022	49.446.403.457

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***21.2. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	75.864.328.422	74.965.533.422
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho NLĐ	54.655.211.872	54.655.211.872
- Công ty TNHH CB Thực phẩm hàng ngày Đà Lạt (*)	4.235.450.000	4.235.450.000
- Công ty cổ phần nông sản Sài Gòn - Ban Mê (*)	1.968.800.000	1.968.800.000
- Công ty TNHH Nông nghiệp Lâm Phong (*)	1.747.310.000	1.747.310.000
- Nguyễn Độ (*)	1.173.920.000	1.173.920.000
- Cơ sở kinh doanh nông sản Văn Hùng (*)	1.154.600.000	1.154.600.000
- Các đối tượng khác	10.929.036.550	10.030.241.550
Cộng	75.864.328.422	74.965.533.422

(*) Nhận đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao, thời hạn 4 - 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**22.1. Ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	179.881.851.682	399.077.683.705	398.897.868.759	180.061.666.628
Ngân hàng TMCP Công Thương Đắk Lắk (i)	89.901.642.282	183.293.838.987	203.199.602.692	69.995.878.577
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk (ii)	79.980.209.400	145.628.022.718	145.693.178.067	79.915.054.051
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố HCM - CN Đắk Lắk (iii)	10.000.000.000	33.200.000.000	28.000.000.000	15.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đắk Lắk (iv)	-	30.001.222.000	20.005.088.000	9.996.134.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Đắk Lắk (v)	-	6.954.600.000	2.000.000.000	4.954.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	70.973.000.000	79.452.000.000	70.973.000.000	79.452.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk	70.973.000.000	49.452.000.000	70.973.000.000	49.452.000.000
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (i)	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Cộng	250.854.851.682	478.529.683.705	469.870.868.759	259.513.666.628

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số 21.38.0057/2021-HDCVHM/NHCT502-DAKRUCO ký ngày 24/11/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Kpô, Nông trường cao su Cuôr Đăng (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.13).

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HD 01/2021/717996/HĐTD ký ngày 27/10/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ vườn cây cao su tại Nông trường cao su Cư Mgar, Nông trường cao su 19/8 và Nông trường cao su Phú Xuân (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.13).

(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 48019/21MN/HĐTD ký ngày 28/12/2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay dưới 12 tháng. Tài sản thế chấp tiền vay là cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Mã DRI) (Xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2401/AIJ.01/HĐHM ký ngày 24/01/2022. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay của hợp đồng là 10.000.000.000 đồng, lãi suất được xác định tùy từng thời điểm nhận nợ, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa là 07 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là số dư tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 190122/HĐTG/DRG ngày 19/01/2022; Máy cày bằng JZH6000-25 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 22/2401/AIJ.01/MMTB ngày 24/01/2022; và 3.000.000 cổ phiếu được tự do chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 22/2401/AIJ.01/TCCP ngày 24/01/2022 (Xem thuyết minh số V.2, V.10, V.14).
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 5219-LAV-202201267 ngày 21/09/2022. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất chi thun tại Chi nhánh Nhà máy chế biến chi thun, giai đoạn 2022-2023. Hạn mức cấp tín dụng là 5.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất và thời hạn cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng cách thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV667770 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/12/2020 mang tên Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp số 1409/2022/HĐTC ngày 14/09/2022.

22.2. Dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn				
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk (i)	212.746.879.073	89.310.000.000	105.948.703.900	196.108.175.173
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	60.000.000.000
Vay dài hạn của Cán bộ công nhân viên (iii)	120.425.000.000	-	70.973.000.000	49.452.000.000
	62.321.879.073	59.310.000.000	34.975.703.900	86.656.175.173
Cộng	212.746.879.073	89.310.000.000	105.948.703.900	196.108.175.173
Trong đó				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	70.973.000.000			79.452.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	141.773.879.073			116.656.175.173

- (i) Vay dài hạn Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk theo Hợp đồng các hợp đồng vay vốn:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2021/HĐVV ký ngày 20/09/2021: Số tiền vay là 30.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 24 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 6.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC).

- Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV ký ngày 05/09/2022: Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn là phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Lãi suất cho vay tính 10%/năm tại thời điểm cho vay và được điều chỉnh theo lãi suất cho vay thả nổi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong suốt thời hạn cho vay, thời hạn vay 24 tháng tính từ thời điểm giải ngân vốn vay cho từng lần vay. Bên vay sẽ cầm cố 5.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk mà Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk hiện đang sở hữu, cổ phiếu này đang được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán UPCOM và đang được lưu ký tại Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC).

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đắk Lắk theo các Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BĐDN.01.230114 ngày 10/02/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BĐDN.01.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 10/02/2014 đến ngày 10/11/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất của khu Khách sạn 4 sao (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.14).
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.BĐDN.02.230114 ngày 28/03/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DAL.BĐDN.02.230114/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 28/03/2014 đến ngày 20/12/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất khu văn phòng công ty 3,6 ha (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.14).
- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DL.DN.03190908 ngày 06/10/2008 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số DL.DN.03190908/SĐBS-01 ngày 16/10/2014. Thời hạn vay từ ngày 06/10/2008 đến ngày 06/10/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Nông trường Cao su Cư Bao (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.14).

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số DAL.DN.05080610 ngày 15/07/2010 và phụ lục hợp đồng số DAL.DN.05080610/PL-01 ngày 10/06/2013. Thời hạn vay từ ngày 15/07/2010 đến ngày 15/07/2023. Lãi suất vay theo quy định tại thời điểm giải ngân. Tài sản thế chấp tiền vay là toàn bộ TS gắn liền với đất tại Nông trường Cao su 19/8 (Xem thuyết minh số V.10, V.11, V.14).

(iii) Vay dài hạn cán bộ công nhân viên theo quyết định số 126/QĐ-CT ngày 29/03/2013, không quy định thời hạn vay cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty CP Chi thun Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty CP Cao su Đắk Lắk) nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.743.412.141	30.644.955.460
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	1.198.740.609	791.403.799
Cộng	38.942.152.750	31.436.359.259

24. Vốn chủ sở hữu**24.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.558.000.000.000	7.017.983.404	31.190.755.532	1.596.208.738.936
Tăng trong năm	-	8.006.800.000	50.759.893.736	58.766.693.736
Giảm trong năm	-	-	(18.433.850.000)	(18.433.850.000)
Số dư cuối năm trước	1.558.000.000.000	15.024.783.404	63.516.799.268	1.636.541.582.672
Số dư đầu năm nay	1.558.000.000.000	15.024.783.404	63.516.799.268	1.636.541.582.672
Tăng trong năm	-	15.998.182.000	1.784.045.382	17.782.227.382
Giảm trong năm	-	-	(30.607.197.810)	(30.607.197.810)
Số dư cuối năm nay	1.558.000.000.000	31.022.965.404	34.693.646.840	1.623.716.612.244

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022. Cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 15.998.182.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 14.158.830.000 đồng
- Trích quỹ thưởng cho người quản lý Công ty: 450.185.810 đồng

24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk	1.541.416.000.000	98,94%	1.541.416.000.000	98,94%
Các cổ đông khác	16.584.000.000	1,06%	16.584.000.000	1,06%
Cộng	1.558.000.000.000	100,00%	1.558.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.558.000.000.000	1.558.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.800.000	155.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.800.000	155.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

24.5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	63.516.799.268	31.190.755.532
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	1.784.045.381	50.759.893.736
Phân phối lợi nhuận	30.607.197.810	18.433.850.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	30.607.197.810	18.433.850.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	15.998.182.000	8.006.800.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.158.830.000	10.427.050.000
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	450.185.810	
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34.693.646.840	63.516.799.268

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Tài khoản ngoài bảng**25.1. Ngoại tệ**

	Ngoại tệ	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại			
	USD	597.404,87	96.347,57
	EUR	-	0,01
	AUD	100,00	100,00
	CAD	20,00	20,00

25.2. Tài sản nhận giữ hộ

Chỉ tiêu	31/12/2022		
Tài sản không cần dùng bàn giao về địa phương	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Cổng Km4 đường vào Nông trường Cư Kpô	827.045.270	(408.949.921)	418.095.349
- Nhà tập thể	273.368.165	(273.368.165)	-
Cộng	1.100.413.435	(682.318.086)	418.095.349

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ các bên liên quan	2.418.947.509	7.948.764.539
(Xem thuyết minh VIII.1)		
Doanh thu đối với các đối tượng khác	582.622.121.082	631.720.104.360
Doanh thu bán mủ cao su	269.154.774.150	278.295.071.319
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	19.980.612.854	8.093.642.466
Doanh thu sản phẩm chi thun, acid	216.534.575.508	271.194.492.072
Doanh thu bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao (chuối, mít, dứa)	41.772.123.596	29.750.404.728
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	35.180.034.974	44.265.297.739
Doanh thu hoạt động khác	-	121.196.036
Cộng	585.041.068.591	639.668.868.899

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK*Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk***BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	273.920.076.757	298.227.094.865
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, du lịch	23.247.686.651	16.376.131.668
Giá vốn thành phẩm sợi chỉ thun	196.385.141.380	246.214.582.839
Giá vốn bán thành phẩm nông nghiệp công nghệ cao	37.769.507.225	37.820.384.695
Giá vốn hoạt động khác	-	56.523.130
Giá vốn cho thuê đất trồng xen	2.563.627.730	3.477.617.145
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.223.789.195	-
Cộng	537.109.828.938	602.172.334.342

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	894.491.041	1.105.741.770
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.028.532.116	31.463.919.081
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.388.004.111	1.413.747.280
Lãi đầu tư cao su liên kết	2.521.062.454	7.750.414.266
Doanh thu tài chính khác	-	498.794.184
Cộng	27.832.089.722	42.232.616.581

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.246.693.761	25.771.987.939
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	726.750.882	700.998.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá	656.299.516	212.602.854
Chênh lệch lỗ khi thoái vốn ở Quỹ tín dụng Cao su Đắk	-	317.244.619
Chi phí tài chính khác	306.746.237	174.262.178
Cộng	26.936.490.396	27.177.096.157

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, bao bì	1.069.468.026	1.735.923.363
Chi phí nhân viên bán hàng	161.834.318	161.848.391
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	-	7.326.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.004.544.297	14.987.062.910
Chi phí khác bằng tiền	4.547.266.929	2.026.587.865
Cộng	18.783.113.570	18.918.749.134

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	796.182.323	731.353.750
Chi phí nhân viên quản lý	25.288.976.446	33.175.580.885
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	274.849.845	1.337.735.729
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.567.270.800	1.576.418.481
Trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	1.257.992.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	954.804.770	1.699.469.563
Chi phí khác bằng tiền	6.637.550.748	5.817.670.813
Cộng	36.519.634.932	45.596.221.695

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý cây cao su, nhượng bán tài sản	6.638.514.272	76.066.614.891
Thu bồi thường, đền bù tài sản, đất	1.322.973.500	501.560.193
Thu nhập từ cho thuê nhà, mặt bằng, giao khoán cà phê	1.107.967.558	927.374.057
Thu nhập khác	1.298.783.823	1.644.625.577
Cộng	10.368.239.153	79.140.174.718

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt và truy thu thuế	920.095.504	2.879.962.350
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng	250.000.000	-
Chi phí xử lý hàng vượt dư lượng thuốc BTV	-	1.080.633.000
Các khoản khác	765.431.597	1.087.322.923
Cộng	1.935.527.101	5.047.918.273

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	325.924.541.820	405.649.765.160
Chi phí nhân công	150.716.836.740	176.058.623.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.610.896.893	50.687.695.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.646.959.939	29.062.639.903
Chi phí khác bằng tiền	23.660.089.228	25.407.489.781
Chi phí dự phòng	6.517.810.877	4.771.727.277
Chi phí trích lập quỹ Khoa học công nghệ	-	1.257.992.474
Cộng	572.077.135.498	692.895.933.693

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo quy định tại mục 3.19 và 3.20 khoản 3 điều 113 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC quy định chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính của công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chi tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ do đó không trình bày số liệu của hai chi tiêu này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	488.387.683.705	604.028.441.850
Cộng	488.387.683.705	604.028.441.850

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	504.846.572.659	604.710.536.465
Cộng	504.846.572.659	604.710.536.465

VIII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1. Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)	Công ty con
Công ty CP Cao su Daknoruco	Công ty con
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk - Mundulkiri	Công ty con
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Cao su	Công ty liên kết
Quỹ Tín dụng Cao su Đắk Lắk	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Thái Dương	Đầu tư dài hạn khác
Công ty TNHH Nông Nghiệp Công nghệ cao DRI	Công ty con của DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮC LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

1.2. Giao dịch với các bên liên quan**Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mủ cao su	1.533.369.600	6.740.553.600
Công ty CP cao su Thái Dương	1.533.369.600	6.740.553.600
Doanh thu cho thuê đất trồng xen	865.090.909	1.132.672.727
Công ty TNHH Nông nghiệp	865.090.909	1.132.672.727
Công nghệ cao DRI		
Doanh thu khác	20.487.000	75.538.212
Công ty CP Đầu tư cao su Đắk Lắk	-	23.593.636
Công ty CP kỹ thuật cao su	20.487.000	51.944.576
Cộng	2.418.947.509	7.948.764.539

Giao dịch khác với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, dịch vụ (trừ tài sản cố định)		
Công ty CP Kỹ thuật cao su	2.417.093.041	4.171.102.048
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	19.500.000.000	27.787.500.000
Công ty CP Cao su Thái Dương	1.125.000.000	1.125.000.000
Quỹ tín dụng cao su Đắk Lắk	403.532.116	504.154.081
Công ty CP Cao su Daknoruco	-	1.669.265.000
Công ty CP kỹ thuật cao su	-	378.000.000
	21.028.532.116	31.463.919.081
Vay vốn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi vay phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk	2.457.534.247	881.232.877

1.3. Số dư với các bên liên quan

Tên Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Chế biến gỗ Cao su Đắk Lắk	3.757.574.500	3.757.574.500
Công ty CP Kỹ thuật cao su	18.130.200	-
Trả trước người bán		
Công ty CP Kỹ thuật cao su	-	32.990.511
Phải trả người bán		
Công ty CP kỹ thuật cao su	1.749.322.217	2.057.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền ngắn hạn		
Công ty CP Cao su Thái Dương	-	1.605.544.080
Vay dài hạn		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	60.000.000.000	30.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (lãi vay)		
Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk	1.373.972.602	721.232.877
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk - Moldolki	2.494.577.826	-

1.4. Thu nhập của Ban điều hành

STT	Thành viên Ban QLDH	Chức danh	Năm 2022		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	388.800.000	-	388.800.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	373.248.000	-	373.248.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	291.600.000	-	291.600.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng Giám đốc	291.600.000	-	291.600.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	291.600.000	-	291.600.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	61.668.000	61.668.000
7	Đỗ Văn Định	Thành viên HĐQT	-	61.668.000	61.668.000
8	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	46.251.000	46.251.000
10	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát	289.357.000	-	289.357.000
11	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	151.200.000	-	151.200.000
12	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS	81.000.000	-	81.000.000
13	Nguyễn Thị Mai Quyền	Thành viên BKS	15.000.000	-	15.000.000
Tổng cộng			2.173.405.000	169.587.000	2.342.992.000

STT	Thành viên Ban QLDH	Chức danh	Năm 2021		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	434.058.000	-	434.058.000
2	Bùi Quang Ninh	Tổng Giám đốc	416.695.000	-	416.695.000
3	Nguyễn Độ	Phó Tổng Giám đốc	316.500.000	-	316.500.000
4	Nguyễn Minh	Phó Tổng Giám đốc	53.252.000	-	53.252.000
5	Nguyễn Trần Giang	Kế toán trưởng	325.543.000	-	325.543.000
6	Nguyễn Văn Cúc	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000
7	Đỗ Văn Định	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000
8	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	59.364.000	59.364.000
10	Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát	303.092.000	-	303.092.000
11	Phan Thanh Tân	Thành viên BKS	130.217.000	-	130.217.000
12	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS	130.217.000	-	130.217.000
Tổng cộng			2.109.574.000	178.092.000	2.287.666.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính này cho phù hợp với quyết toán thuế TNDN năm 2021, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 01/01/2022 (Trình bày lại)		Số liệu tại ngày 31/12/2021 (Trên BCTC năm trước)		Chênh lệch
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	29.299.062.825	313	26.731.684.163	2.567.378.662
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	63.516.799.268	421	66.084.177.930	(2.567.378.662)

Báo cáo KQHDKD	Số liệu năm 2021 đã trình bày lại		Số liệu trên Báo cáo KQKD năm 2021		Chênh lệch
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền	
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021					
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.730.965.061	51	8.163.586.399	2.567.378.662
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	50.759.893.736	60	53.327.272.398	(2.567.378.662)

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN TRẦN GIANG

BUI QUANG NINH

